

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị Đặng Thanh H, sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Bị đơn Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thanh H kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 20/01/2015, trước khi kết hôn có sự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến khi chị H sinh con được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn để cùng chị nuôi dạy con, anh T suốt ngày tụ tập bạn bè, chơi bời và hiện nay anh T sử dụng cả chất kích thích (ma túy), chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau. Vợ chồng chị H đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một người con chung là Nguyễn Kiều T2, sinh ngày 21/6/2015, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ chồng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Về phía bị đơn, anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn N, xã V và tại gia đình anh Nguyễn Văn T, đại diện thôn N, xã V và bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T đều khẳng định anh Nguyễn Văn T vẫn cư trú cùng gia đình tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; anh T không chịu tu chí làm ăn, suốt ngày chơi bời, tụ tập bạn bè, sử dụng chất kích thích. Các văn bản tố tụng của Tòa án anh Nguyễn Văn T đã nhận được bà đã giao tận tay và thông báo cho anh T biết, anh Nguyễn Văn T có biết việc chị Đặng Thanh H hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thanh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Đặng Thanh H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các

tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thanh H, xử cho chị Đặng Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều T2, sinh ngày 21/6/2015 cho chị Đặng Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thanh H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn N, xã V, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thanh H và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/5/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thanh H và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nguyễn Văn T không tu chí làm ăn, sa vào con đường nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đặng Thanh H và anh Nguyễn Văn T thấy rằng: Anh Nguyễn Văn T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Đặng Thanh H yêu cầu ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đặng Thanh H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu về con chung của chị Đặng Thanh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Do đó cần giao con chung là cháu Nguyễn Kiều T2, sinh ngày 21/6/2015 cho chị Đặng Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu; anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị Đặng Thanh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Chị Đặng Thanh H trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đặng Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Đặng Thanh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05829 ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Kiều T2, sinh ngày 21/6/2015 cho chị Đặng Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Đặng Thanh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05829 ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thanh H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Ngọc